BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2343 /BTC-HCSN	*Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2017*
V/v Dự thảo Thông tư hướng dẫn cơ chế tài chính của tổ chức KHCN công lập theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP của Chính phủ.	

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 695
Ngày: 01.3.17
Chuyển:

Kính gửi:
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (Nghị định số 54); Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn cơ chế tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Nghị định số 54 của Chính phủ (đính kèm).

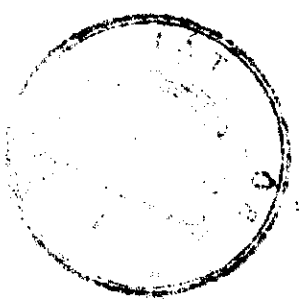
Đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu nội dung dự thảo Thông tư và có ý kiến tham gia gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 năm 2017 để tiến hành các thủ tục ban hành Thông tư theo đúng quy định.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục TH&TKTC (để đăng website);
- Lưu: VT, HCSN(100b)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà



BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2017/TT-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2017*

Dự thảo

THÔNG TƯ

Hướng dẫn cơ chế tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn cơ chế tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Đối tượng áp dụng

a. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

b. Đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có),

được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (sau đây gọi là Nghị định số 54/2016/NĐ-CP) và hướng dẫn tại Thông tư này.

c. Thông tư này không áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập là cơ sở giáo dục đại học.

Điều 2. Xác định mức độ tự bảo đảm kinh phí

1. Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ chi theo quy định của pháp luật; dự toán nguồn thu phí, lệ phí được để lại theo quy định của Luật Phí và lệ phí, nguồn thu từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ dự kiến triển khai (trên cơ sở căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ của năm trước liền kề), nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ sự nghiệp công theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các nguồn thu hợp pháp khác để xây dựng phương án tự đảm bảo kinh phí hoạt động theo các mức độ quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP; trình cơ quan chủ quản xem xét, thẩm định và tổng hợp để gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp.

2. Cơ quan tài chính có trách nhiệm xem xét, có ý kiến bằng văn bản về phương án phân loại tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo các mức độ tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

3. Sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan tài chính, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phê duyệt mức độ tự bảo đảm kinh phí hoạt động và phương án tự chủ cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc quyền quản lý.

Điều 3. Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành:

a) Ở trung ương: Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ (sau đây gọi là Bộ, cơ quan Trung ương);

b) Ở địa phương: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định đối với danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

2. Căn cứ danh mục dịch vụ sự nghiệp công theo quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành tại khoản 1 Điều này, các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí của từng danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

a) Căn cứ danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại khoản 1 Điều này; định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí của danh mục dịch vụ sự nghiệp công tại khoản 2 Điều này, các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định; ban hành định mức chi phí trong trường hợp không xây dựng được định mức kinh tế - kỹ thuật.

Trong đó đối với chi phí tiền lương trong giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tính theo mức lương cơ sở; hệ số tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp lương theo chế độ quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập và định mức lao động do các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo thẩm quyền.

b) Phương pháp định giá, thẩm quyền và trình tự định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo quy định của Luật giá, pháp luật chuyên ngành và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

4. Lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP.

5. Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, căn cứ quy định về giá dịch vụ sự nghiệp công tại khoản 3 và khoản 4 Điều này, khả năng của ngân sách nhà nước và khả năng chi trả của người hưởng thụ, xác định giá các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành tại khoản 1 Điều này.

6. Căn cứ danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và đơn giá dịch vụ sự nghiệp công được cấp có thẩm quyền ban hành, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp cho cơ quan cấp dưới lựa chọn tổ chức khoa học và công nghệ để cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu theo quy định.

Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan cấp dưới được phân cấp đặt hàng cho tổ chức khoa học và công nghệ cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trên cơ sở danh mục dịch vụ sự nghiệp công theo quyết định của cấp có thẩm quyền, có định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá được cấp có thẩm quyền ban hành; theo đó kinh phí Nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công là nguồn tài chính chi thường xuyên của đơn vị. Trường hợp danh mục dịch vụ sự nghiệp công chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật và chưa có đơn giá được cấp có thẩm quyền ban hành, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan cấp dưới được phân cấp giao nhiệm vụ cho tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện chi theo quy định hiện hành.

Điều 4. Phí dịch vụ sự nghiệp công

1. Danh mục phí dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực hiện theo danh mục phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí. Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không ban hành danh mục phí này.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được cấp có thẩm quyền giao thu phí, được thu phí theo mức thu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định đối với từng danh mục phí theo Luật phí và lệ phí.

Điều 5. Tự chủ tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên

1. Nguồn tài chính:

a) Nguồn tài chính chi nhiệm vụ thường xuyên:

- Nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất, kinh doanh, liên doanh, liên kết và nguồn thu hợp pháp khác;

- Nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí: Phần được để lại chi thường xuyên trang trải chi phí hoạt động thu phí theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí (sau đây gọi là Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ).

- Nguồn thu từ ngân sách nhà nước nếu được cơ quan có thẩm quyền giao để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (nếu có); kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo giá tính đủ chi phí (gồm: chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định) theo các quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có), gồm: Tiền lãi được chia từ các hoạt động liên doanh, liên kết; lãi tiền gửi ngân hàng; nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

b) Nguồn tài chính chi nhiệm vụ không thường xuyên

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên (nếu có), gồm: Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án, đề án khác; kinh phí đối ứng thực hiện các dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền; vốn đầu tư phát triển cho các dự án đầu tư đang triển khai, các dự án đầu tư khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có); kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao.

- Nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí: Phần được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 (nếu có) Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

- Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

- Nguồn khác, gồm: Nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng, vốn huy động của cán bộ, viên chức trong đơn vị; nguồn vốn liên doanh, liên kết của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; nguồn khác (nếu có).

2. Sử dụng nguồn tài chính:

a) Chi đầu tư:

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được chủ động sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay và các nguồn tài chính khác để chi đầu tư theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP.

b) Chi thường xuyên:

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư và tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự đảm bảo chi thường xuyên được chủ động sử dụng các nguồn tài chính quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này để chi thường xuyên theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này, cụ thể một số khoản chi quy định như sau:

- Về chi tiền lương: Tổ chức khoa học và công nghệ công lập chi trả tiền lương theo lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bổ sung.

- Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý:

Đối với các nội dung chi đã có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ vào khả năng tài chính, tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quyết định mức chi cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Đối với các nội dung chưa có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ tình hình thực tế, tổ chức khoa học và công nghệ công lập xây dựng mức chi cho phù hợp theo quy chế chi tiêu nội bộ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Trích khấu hao tài sản cố định theo chế độ quy định hiện hành.

Số tiền trích khấu hao tài sản cố định được đầu tư, mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước được bổ sung

quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị (ngân sách nhà nước không cấp kinh phí mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản cho đơn vị).

Số tiền trích khấu hao tài sản cố định được đầu tư, mua sắm từ nguồn vốn vay dùng để trả nợ; trường hợp đã trả đủ tiền vay, số còn lại bổ sung quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

c) Chi nhiệm vụ không thường xuyên:

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành đối với từng nguồn kinh phí quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Phân phối kết quả tài chính trong năm: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP.

Điều 6. Tự chủ tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và tổ chức khoa học và công nghệ công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

1. Nguồn tài chính:

a) Nguồn tài chính chi thường xuyên

- Nguồn thu từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng.

- Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng theo giá chưa tính đủ chi phí, bao gồm nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công;

- Nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí: Phần được để lại chi thường xuyên trang trải chi phí hoạt động thu phí theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

- Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có), gồm: Tiền lãi được chia từ các hoạt động liên doanh, liên kết; lãi tiền gửi ngân hàng; nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

b) Nguồn tài chính chi nhiệm vụ không thường xuyên: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

2. Sử dụng nguồn tài chính:

a) Chi thường xuyên:

Tổ chức khoa học công nghệ và công lập được chủ động sử dụng các nguồn tài chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều này để chi thường xuyên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này, cụ thể một số khoản chi quy định như sau:

- Về chi tiền lương: Tổ chức khoa học công nghệ và công lập chi theo lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định. Khi

Nhà nước điều chỉnh tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ các nguồn theo quy định; trường hợp còn thiếu, ngân sách nhà nước cấp bổ sung;

- Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý: Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng nguồn tài chính, tổ chức khoa học công nghệ và công lập được quyết định mức chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý, nhưng tối đa không vượt quá mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Chi nhiệm vụ không thường xuyên:

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành đối với từng nguồn kinh phí quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Phân phối kết quả tài chính trong năm: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP.

Điều 7. Nguyên tắc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư và tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (tổ chức khoa học và công nghệ tự đảm bảo toàn bộ kinh phí):

a. Căn cứ vào tình hình và khả năng cân đối nguồn kinh phí ngân sách nhà nước được giao, cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ công lập xem xét, xác định việc giao nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự đảm bảo toàn bộ kinh phí trực thuộc.

b. Khi được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động căn cứ theo quy định hiện hành về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (hiện nay đang được quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ), các định mức kinh tế kỹ thuật của các Bộ quản lý chuyên ngành và các quy định hiện hành về nội dung, định mức chi từ ngân sách nhà nước để lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của đơn vị, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và giao dự toán kinh phí thực hiện.

2. Đối với tổ chức tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và tổ chức khoa học và công nghệ công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:

a. Tổng dự toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập để thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng căn cứ vào số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính theo quy định tại Quyết định số

46/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017.

b. Căn cứ vào tình hình và khả năng cân đối nguồn kinh phí ngân sách nhà nước được giao, cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ công lập xem xét, xác định việc đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc đảm bảo phù hợp.

Điều 8. Thời hạn giao quyền tự chủ cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị được ổn định trong thời gian 3 năm. Trường hợp nguồn thu, nhiệm vụ của đơn vị có biến động làm thay đổi mức độ tự chủ tài chính, đơn vị báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để xem xét điều chỉnh mức độ tự chủ cho đơn vị trước thời hạn.

2. Năm cuối của thời kỳ ổn định, tổ chức khoa học và công nghệ công lập báo cáo tổng kết đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ trong 3 năm. Căn cứ vào kết quả thực hiện của thời kỳ trước, nhiệm vụ của năm kế hoạch và thời kỳ tiếp theo, tổ chức khoa học và công nghệ công lập xây dựng phương án tự chủ của thời kỳ ổn định tiếp theo, gửi cơ quan quản lý cấp trên xem xét cùng với thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước của năm kế hoạch.

3. Đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập đã được cơ quan có thẩm quyền phân loại là đơn vị tự trang trải kinh phí hoạt động theo quy định tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ, không được điều chỉnh phân loại sang đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên hoặc đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trong giai đoạn ổn định phân loại 3 năm hoặc sau giai đoạn ổn định 3 năm.

Điều 9. Chế độ báo cáo hàng năm

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện chế độ tự chủ định kỳ hàng năm phải báo cáo cơ quan quản lý cấp trên về kết quả thực hiện chế độ tự chủ trước ngày 31 tháng 01 năm sau theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Các Bộ, cơ quan trung ương, Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương định kỳ hàng năm tổ chức đánh giá về tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, gửi báo cáo về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp gửi Bộ Tài chính trước ngày 25 tháng 2 của năm sau.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2017.

2. Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch số 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND, Sở Tài chính, Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương các Hội, Đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo Chính phủ; Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà